TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bản án số: 104/2024/DS-PT Ngày 29 - 02 - 2024 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thanh Hùng

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Ông Dương Hùng Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tú Anh là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 356/2023/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 179/2023/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 283/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn S, sinh 1987.

Địa chỉ cư trú: Số 58, đường Thoại Ngọc Hầu, khóm 8, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Huỳnh N, sinh năm 1990 (theo văn bản ủy quyền ngày 17/11/2023) (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 26/6, đường L, khóm 3, Phường 4, Thành p, tỉnh C ..

- *Bị đơn:* 1. Ông Võ Duy P, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 79/36, đường Lý Bôn, khóm 1, phường 4, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông P: ông Võ Văn D, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Số 499, đường N, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh C ..

2. Bà Đinh Thị Thu H, sinh năm 1988 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khu đô thị Hoàng Tâm, ấp Bà Điều, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Ông Võ Duy P, bà Đinh Thị Thu H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Trần Văn S trình bày: Ông có cho vợ chồng ông Võ Duy P và bà Đinh Thị Thu H vay tiền nhiều lần, không viết biên nhận vay mà chỉ chuyển khoản, lãi suất thỏa thuận là 1,66%/tháng, trả lãi hàng tháng, không thỏa thuận thời hạn vay. Quá trình vay, giữa ông S và bà H có thực hiện việc vay và trả bằng hình thức chuyển khoản. Cụ thể như sau:

- Ngày 05/11/2021, ông S chuyển cho bà H vay 02 lần, một lần là 300.000.000đ, một lần là 200.000.000đ, tổng cộng là 500.000.000đ;

- Ngày 09/11/2021, ông S chuyển cho bà H vay tiếp 400.000.000đ;

- Ngày 19/11/2021, bà H chuyển trả cho ông S số tiền vốn là 500.000.000đ;

- Ngày 22/11/2021, ông S chuyển cho bà H vay 02 lần, lần 01 chuyển 300.000.000đ, lần 2 chuyển 200.000.000đ, tổng cộng chuyển 500.000.000đ;

- Ngày 01/12/2021, bà H chuyển trả vốn cho ông S 418.000.000đ;

- Ngày 03/12/2021, ông S chuyển cho bà H vay tiếp 400.000.000đ.

Như vậy, từ khi cho vay đến ngày 03/12/2021, ông S đã cho bà H vay tổng cộng là 1.800.000.000đ vốn, bà H đã trả được tổng cộng là 918.000.000đ vốn, còn nợ lại là 882.000.000đ vốn.

Đồng thời, bà H đã chuyển khoản trả lãi cho ông S các lần như sau:

- Ngày 20/11/2021, bà H chuyển trả 15.000.000đ;

- Ngày 15/12/2021, bà H chuyển trả 24.000.000đ;

- Ngày 30/3/2022, bà H chuyển trả 49.000.000đ.

Tổng cộng đã trả được 88.000.000đ lãi.

Nay ông S yêu cầu vợ chồng ông Võ Duy P và bà Đinh Thị Thu H trả cho ông 882.000.000đ vốn và lãi tính từ ngày 05/12/2021 cho đến ngày 11/8/2023, là 01 năm 08 tháng 05 ngày, với mức lãi suất là 1,66%/tháng, bằng 295.264.116đ, đối trừ với số tiền lãi đã trả là 88.000.000đ và đồng thời giảm lãi cho bà H và ông P 100.000.000đ còn lãi là 107.264.116đ. Tổng cộng cả vốn và lãi là 989.264.116đ.

Bị đơn bà Đinh Thị Thu H trình bày: Bà có vay của ông Trần Văn S nhiều lần với số tiền vốn là 900.000.000đ. Bà có trả vốn và lãi cho ông S nhiều lần nhưng không nhớ chính xác số tiền đã trả là bao nhiêu. Lãi suất bà trả cho ông S là 0,2%/ngày, bà đã trả đủ lãi cho đến khi bị bắt. Nay bà đồng ý vốn vay còn là 882.000.000đ. Đối với tiền lãi bà yêu cầu không tính lãi vì đã trả lãi với lãi suất cao và hiện nay không còn khả năng thanh toán.

Bị đơn ông Võ Duy P trình bày: Ông không biết việc vợ ông vay nợ của ông

S, đến khi bà H không có khả năng đóng lãi nữa, ông S đến nhà đòi nợ thì ông mới biết. Số tiền vay của ông S (nếu có) bà H sử dụng vào mục đích cá nhân, không dùng tiền đó để tạo lập tài sản hay sử dụng vào công việc chi tiêu chung cho gia đình. Ông không xác định được số tiền vay nợ và trả nợ giữa bà H và ông S. Ông xác định đây là nợ riêng của bà H, nên không có trách nhiệm cùng trả nợ với bà H theo yêu cầu khởi kiện của ông S.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 179/2023/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn S. Buộc bà Đinh Thị Thu H và ông Võ Duy P thanh toán cho ông Trần Văn S tổng số tiền 941.955.500đ *(Chín trăm bốn mươi mốt triệu chín trăm năm mươi lăm ngàn năm trăm đồng chẵn)*. Trong đó, vốn là 882.000.000đ, lãi là 59.955.500đ.

Ngày 25/8/2023, ông Võ Duy P là bị đơn có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm ông giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ngày 08/9/2023, bà Đinh Thị Thu H là bị đơn có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét việc tính lãi suất. Tại phiên tòa phúc thẩm bà H xin vắng mặt và bà giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Duy P, bà Đinh Thị Thu H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 179/2023/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Võ Duy P về yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, thấy rằng:

Về giao dịch vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn được thể hiện tại các bảng sao kê chi tiết giao dịch, được đôi bên thừa nhận và đã tự nguyện thống nhất số tiền vốn bà H còn nợ ông S là 882.000.000 đồng (BL 38), đây là sự thống nhất tự nguyện và cấp sơ thẩm đã thống chấp nhận là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với mức lãi suất các bên khai khác nhau, ông S cho rằng lãi suất vay là 1,66%/tháng; bà H cho rằng 0,2%/ngày; ngoài ra, lời khai của các bên đương sự không có chứng cứ chứng minh, song xác định các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất. Cấp sơ thẩm căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tính lãi suất được điều chỉnh lại là 10%/năm, tính kể từ ngày 05/12/2021 cho đến ngày 11/8/2023 trên số tiền vốn 882.000.000đ (882.000.000đ x 10%/năm x 01 năm 08 tháng 05 ngày) bằng 147.955.500đ. Đối trừ số tiền lãi bà H đã trả được chấp nhận 88.000.000đ, tiền lãi còn nợ là 59.955.500đ. Việc áp dụng mức lãi và thời gian tính lãi là đúng qui định. Như vậy, cấp sơ thẩm buộc trách nhiệm hoàn trả tổng cộng số tiền vốn và lãi là 941.955.500đ là có căn cứ.

Về trách nhiệm hoàn trả, ông P khước từ nghĩa vụ liên đới thanh toán, ông cho rằng không biết các khoản vay và bà H sử dụng vào mục đích cá nhân. Tại phiên tòa sơ và phúc thẩm ông P không cung cấp được chứng cứ để chứng minh lời trình bày của ông, trong khi đó ông thừa nhận trong khoảng thời gian bà H vay nợ ông và bà H vẫn tồn tại mối quan hệ vợ chồng. Thực tế ông P và bà H hiện là vợ chồng và chưa được cơ quan có thẩm quyền cho ly hôn theo luật định. Đồng thời với những chứng cứ thể hiện tại hồ sơ không đủ để chứng minh bà H vay tiền để sử dụng riêng nên việc khước từ trách nhiệm thanh toán của ông P là không có căn cứ chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Đinh Thị Thu H về yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét việc tính lãi suất, thấy rằng:

Bà H cho rằng đối với khoản lãi đã thanh toán là lãi suất thỏa thuận vay là 0,2%/ngày, số tiền lãi bà đã thanh toán khoảng 350-400 triệu đồng và bà đã chuyển trả cho bà Định (vợ ông S) 5.000.000 đồng. Nhưng bà không cung cấp thêm chứng cứ chứng minh lời trình bày của mình, trong khi đó đại diện cho nguyên đơn hoàn toàn khước từ nội dung này nên chưa có cơ sở để chấp nhận đối trừ. Như phân tích nêu trên không đủ cơ sở để cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà.

[3] Từ những nhận định trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[4] Do không chấp nhận kháng cáo nên ông Võ Duy P, bà Đinh Thị Thu H phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Duy P, bà Đinh Thị Thu H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 179/2023/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn S. Buộc bà Đinh Thị Thu H và ông Võ Duy P thanh toán cho ông Trần Văn S tổng số tiền 941.955.500 đồng *(Chín trăm bốn mươi mốt triệu chín trăm năm mươi lăm ngàn năm trăm đồng chẵn. Trong đó, vốn là 882.000.000đ, lãi là 59.955.500đ).*

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đinh Thị Thu H và ông Võ Duy P phải chịu 40.258.000đ (chưa nộp).

Ông Trần Văn S không phải chịu. Ngày 22/02/2023, ông S đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 22.414.000đ theo biên lai thu số 002883 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Duy P phải chịu án phí 300.000đ. Ngày 28/8/2023, ông P đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai thu số 0003913 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được chuyển thu.

Bà Đinh Thị Thu H phải chịu án phí 300.000đ (chưa nộp).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hà Thanh Hùng